

STE NAVISAL SARL AU

ATTESTATION DE RÉALISATION DE SERVICE (DÉRATISATION DU NAVIRE)

Date d'Émission : 24/11/2025
Société : NAVISAL SARL.

Nous, soussignés, Société NAVISAL, attestons par la présente avoir réalisé une opération de DÉRATISATION (Lutte contre les rongeurs) à bord du navire désigné ci-dessous :

Nom du Navire : Remorqueur BOUKRAA-I
Armateur : MARSAMAROC.
Date de l'Intervention : Le 24/11/2025.
Lieu de l'Intervention : Port de Laayoune.

L'opération de dératisation a été effectuée par notre personnel qualifié, en utilisant des méthodes et des produits conformes aux réglementations sanitaires nationales et maritimes en vigueur.

Nous certifions que l'intervention visait à prévenir et à éliminer toute présence de rongeurs à bord, garantissant ainsi l'état de salubrité du navire au moment de l'achèvement de nos travaux.

Cette attestation est délivrée à la demande de l'Armateur pour les besoins des formalités de mise en service et des inspections des autorités compétentes.

Fait à : Laayoune le 24/11/2025

Signature :

SALEK El Alaoui

NAVISAL sarl au
Lot Al Massira Al Khadra N° 1763
EL MARSAMAROC
TEL : 06 96 95 76 75

BẢN ĐÍNH KÈM GIẤY CHỨNG NHẬN MIỄN XỬ LÝ VỆ SINH TÀU THUYỀN/CHỨNG NHẬN XỬ LÝ VỆ SINH TÀU THUYỀN
ATTACHMENT TO SHIP SANITATION CONTROL EXEMPTION CERTIFICATE/SHIP SANITATION CONTROL CERTIFICATE

Khu vực/ cơ sở/ hệ thống được kiểm tra <i>Areas/facilities/systems inspected</i>	Bằng chứng phát hiện <i>Evidence found</i>	Kết quả kiểm tra mẫu <i>Sample results</i>	Giấy tờ đã xem xét <i>Documents reviewed</i>	Biện pháp xử lý đã thực hiện <i>Control measures applied</i>	Ngày kiểm tra lại <i>Re-inspection date</i>	Chú thích về tình trạng phát hiện <i>Comments regarding conditions found</i>
Thực phẩm/ <i>Food</i>		NO EVIDENCE OF RODENT INFESTATION AND SANITARY IRREGULARITIES DETECTED		EXEMPTED		
Nguồn gốc/ <i>Source</i>						
Bảo quản/ <i>Storage</i>						
Chế biến/ <i>Preparation</i>						
Phục vụ/ <i>Service</i>						
Nước/ <i>Water</i>						
Nguồn gốc/ <i>Source</i>						
Bảo quản/ <i>Storage</i>						
Phân phối/ <i>Distribution</i>						
Chất thải/ <i>Waste</i>						
Nơi chứa/ <i>Holdings</i>						
Xử lý/ <i>Treatment</i>						
Tiêu hủy/ <i>Disposal</i>						
Bể bơi/ Suối nước khoáng/ <i>Swimming pool/Spas</i>						
Thiết bị/ <i>Equipment</i>						
Hoạt động/ <i>Operation</i>						
Cơ sở y tế/ <i>Medical facilities</i>						
Thiết bị và đồ dùng y tế/ <i>Equipment and medical Devices</i>						
Hoạt động/ <i>Operation</i>						
Thuốc/ <i>Medicines</i>						
Các khu vực khác được kiểm tra/ <i>Other areas inspected</i>						

¹ Ghi chú những nơi không kiểm tra được bằng ký hiệu N/A/Indicate where the areas listed are not applicable by making N/A

